TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 09/3/1993; nơi cư trú: Tổ 10, ấp B, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; Căn cước công dân số: …(có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh H, sinh ngày 01/01/1984; nơi cư trú: Tổ 07, ấp B, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; Căn cước công dân số:.. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà với ông Phạm Thanh H tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 07/8/2013. Sau thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng bà đã không sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2022, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh H

Bà với ông Phạm Thanh H có 01 con chung tên Phạm Gia B sinh ngày 24/11/2013, sau ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Phạm Thanh H trình bày:*

Ông với bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện sống chung với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 07/8/2013. Từ khi vợ chồng sống chung với nhau đến nay thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do vợ ông thường xuyên ghen và thường chửi ông. Khi hai vợ chồng mâu thuẫn thì vợ ông lại bỏ về nhà mẹ ruột, ba mẹ ruột ông phải đến năn nỉ thì về sống lại. Từ khi bắt đầu sống chung đến nay vợ ông đã bỏ về nhà mẹ ruột khoảng 2 lần. Vợ chồng ông không sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2022 đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng. Ông có năn nỉ nhiều lần để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ông còn thương vợ ông nên không đồng ý ly hôn.

Ông với bà Nguyễn Thị Mỹ T chung sống với nhau có 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 24/11/2013 hiện nay đang sống với vợ ông là Nguyễn Thị Mỹ T. Nếu trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 24/11/2013, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông không có nợ chung ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- *Tại phiên toà:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T giữ yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, đề nghị tiến hành phiên tòa vắng mặt ông Hùng.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Phạm Thanh H đã mâu thuẫn, tình cảm không còn, không sống chung với nhau, Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Phạm Thanh H có 01 con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 24/11/2013 hiện nay đang do bà Nguyễn Thị Mỹ T nuôi dưỡng. Cháu Phạm Gia Bảo có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định phát triển mọi mặt của trẻ, bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được nuôi con là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi. Bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Phạm Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh H cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Bà Nguyễn Thị Mỹ T với anh Phạm Thanh H tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn theo pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh An Giang chứng nhận kết hôn số 81 ngày 07/8/2013. Vậy, bà Bà Nguyễn Thị Mỹ T với anh Phạm Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng. Tại Giấy khai sinh số 293 ngày 17/12/2013 nơi đăng ký khai sinh Ủy ban nhân dân xã B huyện C tỉnh An Giang thể hiện Phạm Gia B sinh ngày 24/11/2013, có mẹ tên Nguyễn Thị Mỹ T và cha là Phạm Thanh H.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Bà Nguyễn Thị Mỹ T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh H, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Ông Phạm Thanh H trình bày còn yêu thương bà Nguyễn Thị Mỹ T nhưng từ 9 năm 2022 đến nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, không sống chung với nhau. Vậy, Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Phạm Thanh H đã phát sinh mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau một thời gian dài; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Phạm Thanh H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T

[2.3] Bà Nguyễn Thị Mỹ T với anh Phạm Thanh H có 01 con chung tên Phạm Gia B sinh ngày 24/11/2013. Xét thấy, cháu Phạm Gia B hiện nay đang do

bà Nguyễn Thị Mỹ T nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định. Cháu Phạm Gia B có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 24/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi. Bà Nguyễn Thị Mỹ T không yêu cầu ông Phạm Thanh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Bà Nguyễn Thị Mỹ T với anh Phạm Thanh H không yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị Mỹ T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T với ông Phạm Thanh H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Gia B, sinh ngày 24/11/2013 (hiện đang sống với bà Nguyễn Thị Mỹ T) cho bà Nguyễn Thị Mỹ T trực tiếp nuôi.

Ông Phạm Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phạm Thanh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Thanh H.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005424 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND cấp xã nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp